

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 744/2024/DS-ST
Ngày: 16-9-2024
V/v “T/c hợp đồng Tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Đẹp

2/ Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 578/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2024/QĐXX-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 331/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt), Tầng B Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là ông Hàn Ngọc V- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H- GĐTTQLNNHBL theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ký ngày 04/01/2021 của TGD Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ liên lạc: Tầng F, Tòa nhà P U số B U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền lại cho ông Ngô Quốc T, ông Trần Huỳnh H1, ông Vương Hải L-chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Cùng địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P số B U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 074788.22 ngày 12/7/2022).

Thay đổi ủy quyền lại cho ông Lê Minh T1, ông Trần Kiến H2, ông Nguyễn Hữu V1, ông Vương Hải L -chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q.

Cùng địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P số B U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 129463.23 ngày 28/8/2023).

Thay đổi ủy quyền lại cho ông Điều D, ông Nguyễn Lý Khánh D1, ông Nông Văn T2, ông Bùi Ngọc A -chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q. Cùng địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P số 26 U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 145817.24 ngày 23/7/2024). Ông Điều D có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2.2 Bà Dương Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 10/28/5 T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số C, Phan Văn H3, ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2021 của nguyên đơn và người đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/8/2017 Ngân hàng TMCP Q (V2)-P ký với ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N theo Hợp đồng Tín dụng số 0131/HĐTD-VIB 630/17 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N vay số tiền 229.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Thanh toán mua một xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI số loại: SK 410K4, biển kiểm soát: 51D-158.56 theo HĐMB số 0315-HĐKT/ĐV-2017, ký ngày 20/7/2017. Thời hạn vay: 72 tháng, kể từ ngày 11/8/2017 đến ngày 10/8/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ điều chỉnh lại theo quy định của V2 tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.19%/năm. Số tiền hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng là 2.726.000 đồng cùng với ngày trả lãi, phần còn lại trả vào cuối kỳ. Hoàn trả hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/9/2017. Trả phí theo quy định của V2 từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện, ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, V2 đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 19/8/2020. Mặc dù, V2 luôn đôn đốc thanh toán dứt nợ nhưng khách hàng vẫn cố tình kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 19/7/2021 ông B bà N còn dư nợ V2 là 301.945.563 đồng, trong đó nợ gốc là 200.140.940 đồng, nợ tiền lãi là 56.095.758 đồng.

Đến ngày xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, ông B bà N nợ tổng số tiền gốc và lãi là 487.415.524 đồng. Trong đó; nợ gốc 200.140.940 đồng, nợ tiền lãi trong hạn, quá hạn là 285.878.659 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền lại của V2 trình bày: Tạm tính đến ngày 16/09/2024, ông Nguyễn Duy B và bà Dương Thị N đã thanh toán cho V2 số tiền là 42.906.012 đồng (trong đó: gốc là 28.859.060 đồng, lãi là 14.046.952 đồng). Nay, V2 yêu cầu ông B bà N phải trả số tiền gốc và lãi đến ngày 16/9/2024 là 491.423.141 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.140.940 đồng; tiền lãi là 291.282.201 đồng. Ông B bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ

ngày 17/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng Tín dụng.

Đối với bị đơn, đã được Tòa án Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông B bà N không có mặt. Nên Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ông B bà N phải chịu hậu quả do không có mặt và không giao nộp chứng cứ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, chấp hành đúng thời hạn gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Vi phạm thời hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N thanh toán nợ từ hợp đồng Tín dụng, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2.2 Tại thời điểm bị đơn ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N ký hợp đồng với V2 thì địa chỉ ghi trong “Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ” ngày 10/8/2017 kèm phụ lục Hợp đồng Tín dụng, thể hiện địa chỉ 10/28/5 T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh ông B bà N có địa chỉ tại số 39 P, ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên Tòa án nhân Quận T chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

3.1 Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ “Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ” ngày 10/8/2017 kèm phụ lục Hợp đồng Tín dụng, ông Nguyễn Duy B bà Dương Thị N ký, xác định giữa Ngân hàng và bị đơn có thỏa thuận về việc vay số tiền 229.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu SuZuki SK410K4 có biển số biển kiểm soát: 51D-158.56, thỏa thuận lãi suất theo Hợp đồng Tín dụng đã ký. Việc thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên.

3.2 Tại bản tự khai ngày 16/9/2024; đại diện ủy quyền lại của Ngân hàng yêu cầu ông B bà N phải trả số tiền gốc và lãi là 491.423.141 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.140.940 đồng; tiền lãi là 291.282.201 đồng. Ông B bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng Tín dụng.

Căn cứ vào bản sao kê chi tiết tính lãi của ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N có số Hợp đồng Tín dụng số 0131/HĐTD-VIB 630/17, trong quá trình sử dụng vốn của ngân hàng, ông B bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông B bà N trả số tiền gốc theo Hợp đồng Tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

3.3 Về Lãi suất: Xét các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn và quá hạn theo Hợp đồng Tín dụng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010 như sau: “..Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

[4] Về phía bị đơn ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N được Tòa án tổng đạt, niêm yết và thông báo kết quả hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do, nên phải chịu hậu quả do không có mặt và không giao nộp chứng cứ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc theo Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Q (V2).

Buộc ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền là 491.423.141đ (bốn trăm chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn một trăm bốn mươi một đồng).

Trong đó: Nợ gốc 200.140.940 đồng; tiền lãi là 291.282.201 đồng.

Kể từ ngày 17/9/2024 cho đến khi thi hành xong, ông B bà N tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong số nợ cho V2.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị N phải chịu 23.656.926đ (hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho V2 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.548.639đ (bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng) theo biên lai số 0013593 ngày 28/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành các khoản tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. Tp HCM;
- Cục THADS. H HM;
- Phòng KTNV. TATp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Nga